BIỂU BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG KINH PHÍ HỖ TRỢ NHÀ TẠM, NHÀ DỘT NÁT CHO HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NHÀ Ở TỪ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 2720 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên Đơn vị	Nhu cầu kinh phí theo Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 17/12/2025 của UBND tỉnh						Kinh phí bổ sung	Ghi chú
		Tổng số hộ nghèo, cận nghèo	*Trong đó*		Tổng nhu cầu kinh phí	*Trong đó*			
			Xây mới nhà ở	Cải tạo nhà ở		Xây mới nhà ở	Cải tạo nhà ở		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1	Phường Kỳ Lừa	5	3	2	240	180	60	240	
2	Xã Cao Lộc	2	1	1	90	60	30	90	
3	Xã Đồng Đăng	6	3	3	270	180	90	270	
4	Xã Ba Sơn	21	9	12	900	540	360	900	
5	Xã Công Sơn	9	6	3	450	360	90	450	
6	Xã Lộc Bình	13	12	1	750	720	30	750	
7	Xã Mẫu Sơn	16	10	6	780	600	180	780	
8	Xã Thống Nhất	44	32	12	2.280	1.920	360	2.280	
9	Xã Na Dương	10	5	5	450	300	150	450	
10	Xã Xuân Dương	5	4	1	270	240	30	270	
11	Xã Lợi Bác	11	6	5	510	360	150	510	
12	Xã Khuất xá	10	7	3	510	420	90	510	
13	Xã Thái Bình	4	4	0	240	240	0	240	
14	Xã Đình Lập	12	12	0	720	720	0	720	
15	Xã Kiên Mộc	4	1	3	150	60	90	150	
16	Xã Châu Sơn	6	2	4	240	120	120	240	
17	Xã Hoàng Văn Thụ	6	4	2	300	240	60	300	
18	Xã Văn Lãng	18	6	12	720	360	360	720	
19	Xã Na Sầm	10	3	7	390	180	210	390	
20	Xã Hội Hoan	16	7	9	690	420	270	690	
21	Xã Thụy Hùng	6	1	5	210	60	150	210	
22	Xã Quốc Việt	1	1	0	60	60	0	60	
23	Xã Tân Tiến	18	17	1	1.050	1.020	30	1.050	
24	Xã Đoàn Kết	8	8	0	480	480	0	480	
25	Xã Thất Khê	11	2	9	390	120	270	390	
26	Xã Quốc Khánh	6	3	3	270	180	90	270	
27	Xã Kháng Chiến	5	3	2	240	180	60	240	
28	Xã Tràng Định	7	2	5	270	120	150	270	
29	Xã Chi Lăng	2	2	0	120	120	0	120	
30	Xã Chiến Thắng	30	17	13	1.410	1.020	390	1.410	
31	Xã Nhân Lý	4	4	0	240	240	0	240	
32	Xã Bằng Mạc	1	1	0	60	60	0	60	
33	Xã Vạn Linh	4	3	1	210	180	30	210	

STT	Tên Đơn vị	Nhu cầu kinh phí theo Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 17/12/2025 của UBND tỉnh						Kinh phí bổ sung	Ghi chú
		Tổng số hộ nghèo, cận nghèo	*Trong đó*		Tổng nhu cầu kinh phí	*Trong đó*			
			Xây mới nhà ở	Cải tạo nhà ở		Xây mới nhà ở	Cải tạo nhà ở		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
34	Xã Cai Kinh	3	0	3	90	0	90	90	
35	Xã Hữu Liên	6	2	4	240	120	120	240	
36	Xã Tân Thành	4	1	3	150	60	90	150	
37	Xã Thiện Tân	8	4	4	360	240	120	360	
38	Xã Yên Bình	11	6	5	510	360	150	510	
39	Xã Văn Quan	31	11	20	1.260	660	600	1.260	
40	Xã Tri Lễ	3	3	0	180	180	0	180	
41	Xã Yên Phúc	6	4	2	300	240	60	300	
42	Xã Điềm He	3	3	0	180	180	0	180	
43	Xã Tân Đoàn	6	2	4	240	120	120	240	
44	Xã Khánh Khê	26	21	5	1.410	1.260	150	1.410	
45	Xã Bình Gia	4	1	3	150	60	90	150	
46	Xã Hoa Thám	66	42	24	3.240	2.520	720	3.240	
47	Xã Hồng Phong	23	18	5	1.230	1.080	150	1.230	
48	Xã Quý Hòa	64	43	21	3.210	2.580	630	3.210	
49	Xã Tân Văn	32	22	10	1.620	1.320	300	1.620	
50	Xã Thiện Hòa	16	14	2	900	840	60	900	
51	Xã Thiện Long	14	7	7	630	420	210	630	
52	Xã Thiện Thuật	17	12	5	870	720	150	870	
53	Xã Bắc Sơn	4	0	4	120	0	120	120	
54	Xã Hưng Vũ	61	38	23	2.970	2.280	690	2.970	
55	Xã Nhất Hòa	6	4	2	300	240	60	300	
56	Xã Tân Tri	7	3	4	300	180	120	300	
57	Xã Vũ Lễ	5	2	3	210	120	90	210	
58	Xã Vũ Lăng	5	2	3	210	120	90	210	
Tổng cộng		**762**	**466**	**296**	**36.840**	**27.960**	**8.880**	**36.840**	

***Ghi chú**: mức hỗ trợ theo quy định tại Kế hoạch số 05-KH/BCĐ ngày 16/5/2025 của Ban Chỉ đạo triển khai xoá nhà tạm, nhà dột nát và phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh, cụ thể: 60 triệu đồng/hộ khi xây mới và 30 triệu đồng/hộ khi sửa chữa.*